

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 4105/2001/QĐ-
BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 12 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành "Quy định về việc kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ"**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

*Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22/3/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn,
trách nhiệm quản lý Nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;
Xét đề nghị của các Ông: Vụ trưởng Vụ Pháp chế vận tải, Cục Đăng kiểm Việt Nam
và Cục Trưởng Cục Đường bộ Việt Nam,*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về việc kiểm tra định kỳ
an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường
bộ".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2002 và thay thế
Thông tư 135/PC-KHKT ngày 27/6/1995, Quyết định 330/1998/QĐ-GTVT ngày
08/10/1998 và Quyết định 1885QĐ/KHKT-PCVT ngày 28/7/1997 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng vụ Pháp chế-Vận tải, Cục
trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc
Sở Giao thông vận tải, Giao thông công chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
ương, Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

K/T BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Doãn Thọ

QUY ĐỊNH

VỀ VIỆC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4105/2001/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 12 năm
2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Kiểm tra định kỳ về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là kiểm định) là việc tiến hành kiểm tra đánh giá trạng thái an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe theo tiêu chuẩn và quy định hiện hành để chứng nhận phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe cơ giới) có đủ điều kiện tham gia giao thông đường bộ.

1.2. Trong Quy định này các từ ngữ được hiểu như sau:

1.2.1 Chu kỳ kiểm định là khoảng thời gian giữa hai lần kiểm định, tính theo đơn vị tháng. Chu kỳ kiểm định của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ được quy định tại "Tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ" do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

1.2.2 Hồ sơ kiểm định bao gồm Giấy chứng nhận, Tem kiểm định, Phiếu kiểm định, Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới.

1.2.2.1 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới (sau đây gọi là Giấy chứng nhận) là chứng chỉ xác nhận xe cơ giới đã được kiểm tra bảo đảm các tiêu chuẩn và quy định hiện hành, đủ điều kiện tham gia giao

thông đường bộ trong nước và đường bộ của các nước phù hợp với Điều ước quốc tế mà Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia; trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới có quy định khác với Quy định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Hiệu lực của giấy chứng nhận phù hợp với chu kỳ kiểm định và có mẫu thống nhất.

1.2.2.2 Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới (sau đây gọi là Tem kiểm định) là biểu trưng được dán lên kính chắn gió nhằm giúp cho cơ quan tuần tra, kiểm soát trên đường bộ, cơ quan thanh tra giao thông đường bộ biết rõ xe cơ giới đã kiểm định, được phép tham gia giao thông đường bộ tới thời hạn được in trên Tem kiểm định. Tem kiểm định gồm 2 loại: Tem kiểm định cấp cho xe cơ giới có kinh doanh vận tải (nền màu xanh) và Tem kiểm định cấp cho xe cơ giới không kinh doanh vận tải (nền màu vàng).

1.2.2.3 Phiếu kiểm định là biên bản kiểm tra xe cơ giới khi tiến hành kiểm định. Kết quả kiểm tra, đánh giá trong phiếu kiểm định là căn cứ để Trạm Đăng kiểm cấp giấy chứng nhận và tem kiểm định. Phiếu kiểm định được quản lý thống nhất trong các Trạm Đăng kiểm và theo mẫu thống nhất.

1.2.2.4 Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới (sau đây gọi là Sổ chứng nhận kiểm định) là lý lịch của xe cơ giới để quản lý về kỹ thuật, về hành chính, về quá trình sử dụng và kiểm định xe. Sổ chứng nhận kiểm định có nội dung được lưu trữ tại Trạm Đăng kiểm quản lý xe đó và được đóng thành quyển theo mẫu thống nhất.

1.3. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.3.1 Quy định này được áp dụng cho các loại xe cơ giới của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia giao thông đường bộ trên lãnh thổ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:

- Các loại xe ô tô kể cả xe ô tô chuyên dùng.
- Các loại rơ moóc, sơ mi rơ moóc.
- Máy kéo.

- Xe lam và các loại xe tương tự xe lam.

- Xe xích lô máy các loại.

1.3.2 Quy định này không áp dụng đối với các loại xe cơ giới của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

II. QUY ĐỊNH VỀ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

2.1 Trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác kiểm định và cơ quan thực hiện kiểm định.

2.1.1 Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu trách nhiệm trước Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác kiểm định xe cơ giới, cơ quan giúp việc Cục Đăng kiểm Việt Nam về công tác kiểm định là Trung tâm quản lý kiểm định xe cơ giới.

2.1.2 Nội dung quản lý nhà nước về công tác kiểm định xe cơ giới bao gồm:

2.1.2.1 Lập quy hoạch hệ thống mạng lưới các Trạm Đăng kiểm phù hợp với tốc độ tăng trưởng xe cơ giới và phát triển mạng lưới giao thông đường bộ.

2.1.2.2 Trực tiếp và phối hợp với các Sở Giao thông vận tải (Giao thông công chính) tổ chức chỉ đạo và quản lý về chuyên môn nghiệp vụ đối với các Trạm Đăng kiểm trực thuộc các Sở Giao thông vận tải (Giao thông công chính) và các Trạm Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2.1.2.3 Thực hiện việc thẩm định các điều kiện hoạt động của Trạm Đăng kiểm theo các tiêu chuẩn do Bộ Giao thông vận tải ban hành để cấp Giấy phép kiểm định an toàn kỹ thuật xe cơ giới cho các Trạm Đăng kiểm quy định.

2.1.2.4 Thực hiện việc kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ các hoạt động kiểm định, tổ chức việc kiểm chuẩn thiết bị kiểm định nhằm bảo đảm về độ chuẩn xác của thiết bị và kết quả đo kiểm.

2.1.2.5 Tổ chức việc ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến trong công tác kiểm định, thực hiện công tác đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ cho các đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ.

2.1.2.6 Ban hành thống nhất các mẫu chứng chỉ và quản lý in ấn, phát hành các hồ sơ kiểm định, các biểu mẫu và chế độ báo cáo, lưu trữ. Thực hiện việc cấp, đổi, thu